

# **CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC VIỆT NAM**

## **CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

### **1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM TOURISM HUMAN RESOURCES DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VIETNAM THRD.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107599805

**3. Ngày thành lập:** 14/10/2016

### **4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Nhà liên kè 894, khu Hàng Bè - Mậu Lương, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0966728878

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mã ngành                                                     |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4100                                                         |
| 2.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4210                                                         |
| 3.  | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4220                                                         |
| 4.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp; chia tách đất, cải tạo đất;                                                                                                                                                                                                | 4290                                                         |
| 5.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4311                                                         |
| 6.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4312                                                         |
| 7.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4321                                                         |
| 8.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                     | 4322                                                         |
| 9.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4330                                                         |
| 10. | Giáo dục nghề nghiệp<br>Chi tiết: Dạy nghề;                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8532                                                         |
| 11. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;<br>- Các dịch vụ dạy kèm( gia sư);<br>- Giáo dục dự bị;<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;<br>- Dạy đọc nhanh;<br>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;<br>- Dạy máy tính. | 8559                                                         |
| 12. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7911                                                         |
| 13. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7912                                                         |
| 14. | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                        | 7920(Chính)                                                  |
| 15. | (Đối với ngành nghề có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ hoạt động sản xuất kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                                                   | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ LÊ NA | Số 30, tổ 39, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam          | Cổ phần phổ thông | 50.000     | 500.000.000           | 50,000    | 040184000049                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 50.000     | 500.000.000           | 50,000    |                                                                                             |         |
| 2   | ĐÀO NGUYỄN HỒNG  | Số 30, tổ 39, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam          | Cổ phần phổ thông | 1.000      | 10.000.000            | 1,000     | 040077000027                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 1.000      | 10.000.000            | 1,000     |                                                                                             |         |
| 3   | BÙI MINH TÂN     | Khối 6, Thị Trấn Con Cuông, Huyện Con Cuông, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam                  | Cổ phần phổ thông | 49.000     | 490.000.000           | 49,000    | 186387556                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số           | 49.000     | 490.000.000           | 49,000    |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ LÊ NA

Giới tính: Nữ

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 30/12/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 040184000049

Ngày cấp: 20/01/2014

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 30, tổ 39, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tầng 31, số 34, tòa CT8B, khu đô thị Đại Thanh, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội